

BÁO CÁO**Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý II/2022**

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 và Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách. UBND huyện Duy Xuyên công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương Quý II/2022 như sau:

I. Thu ngân sách nhà nước:

Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) đến Quý II/2022 là **769.756 triệu đồng** (trđ) đạt 87,8% so với dự toán tỉnh giao và đạt 77,3% dự toán HĐND huyện giao. Cụ thể các khoản thu như sau:

1. Thu nội địa: 261.542 trđ, đạt 35,9% so với dự toán huyện giao và bằng 85,1% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ số thu tiền sử dụng đất thì đạt 43,9% dự toán huyện giao, trong đó:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước: 1.939 trđ, đạt 57,7% so với dự toán huyện giao và bằng 125,9% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 114.547 trđ, đạt 58,4% so với dự toán huyện giao, bằng 128,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, thuế tiêu thụ đặc biệt: 60.893 trđ, đạt 60,9% so dự toán và thuế thu nhập doanh nghiệp: 26.821 trđ, chỉ đạt 86% so với dự toán.

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 44.903 trđ, đạt 42,8% so với dự toán huyện giao, bằng 77,4% so với cùng kỳ năm trước.

- Thuế thu nhập cá nhân: 50.343 trđ, đạt 30,3% so với dự toán huyện giao, bằng 43% so với cùng kỳ năm trước.

- Lệ phí trước bạ: 11.267 trđ, đạt 43,3% so với dự toán huyện giao và bằng 114,2% so với cùng kỳ năm trước.

- Thuế bảo vệ môi trường: 1.420 trđ, đạt 35,5% so với dự toán huyện giao.

- Thu tiền sử dụng đất huyện quản lý 24.544 trđ, đạt 17,5% so với DT HĐND huyện giao, chủ yếu phát sinh từ các khu khai thác quỹ đất theo qui hoạch, kế hoạch của huyện và thu từ giao đất nhỏ lẻ, chuyển đổi mục đích tại các xã, thị trấn.

- Phí, lệ phí: 3.305 trđ, đạt 49,3% so với dự toán huyện giao.

- Thu khác ngân sách: 5.223 trđ, đạt 67,4% so với dự toán huyện giao.

- Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản: 1.053 trđ, đạt 50,1% dự toán huyện giao.

2. Thu chuyển nguồn, kết dư năm trước: 345.530 trđ.

3. Thu ngoài phát sinh kinh tế: 160.893 trđ, đạt 60,1% dự toán huyện giao và 76,2% so với cùng kỳ năm trước.

6 tháng đầu năm 2022, mặc dù dịch bệnh Covid-19 đã được kiểm soát tốt, nhưng hoạt động của các doanh nghiệp và hộ kinh doanh phục hồi chậm, nhất là trong lĩnh vực dịch vụ - du lịch. Bên cạnh đó, do một số chính sách về miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân nhằm hỗ trợ phục hồi sản xuất kinh doanh góp phần phát triển KT-XH theo Nghị quyết số 43/2022/QH15, Nghị định số 34/2022/NĐ-CP, Nghị định số 15/2022/NĐ-CP nên số thu nội địa đạt thấp so với dự toán và thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

Tình hình đấu giá quyền sử dụng đất trong kế hoạch năm 2022 thực hiện khá chậm. Dự án Khu TM-DV và Dân cư Đông Cầu Chìm tỉnh mới phê duyệt giá khởi điểm, chưa tổ chức đấu giá. Do vậy, nguồn thu tiền sử dụng đất vào NSNN trên lĩnh vực này đạt tỷ lệ rất thấp, ảnh hưởng lớn đến kết quả thu và điều hành kế hoạch vốn theo Nghị quyết HĐND huyện đã giao.

(Chi tiết theo các Phụ lục số 93/CK-NSNN; 94/CK-NSNN đính kèm)

II. Chi ngân sách nhà nước:

Tổng chi ngân sách đến Quý II/2022 thực hiện: **391.273 trđ**, đạt 55,7% so với dự toán tỉnh giao và đạt 47,6% dự toán HĐND huyện giao. Cụ thể:

1. Chi cân đối ngân sách huyện:

1.1 Chi đầu tư XDCB và mục tiêu: 90.457 trđ, nếu loại trừ số chi từ nguồn vốn khác 20.216 trđ thì chi đầu tư XDCB đến Quý II/2022 là 70.241 trđ, đạt 33% so với dự toán huyện giao.

1.2 Chi thường xuyên: Thực hiện đến Quý II/2022 là **295.824 trđ** đạt 49,4% so với dự toán huyện giao và bằng 96,3% so với cùng kỳ năm trước.

2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên:

Chi chương trình mục tiêu quốc gia: 119 trđ.

Chi các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên: 4.873 trđ.

Chi ngân sách được thực hiện kịp thời, đúng mục tiêu, dự toán, nhưng trong 6 tháng đầu năm, một số khoản chi phát sinh ngoài dự toán phục vụ yêu cầu nhiệm vụ chính trị của huyện gây khó khăn trong công tác điều hành ngân sách. Mặc dù, UBND huyện đã chỉ đạo quyết liệt, đôn đốc các ngành, địa phương tăng cường giải ngân vốn đầu tư công theo kế hoạch, nhưng tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư 6 tháng đầu năm còn thấp, đạt 29% kế hoạch vốn.

(Chi tiết theo Phụ lục số 95/CK-NSNN đính kèm)

Vậy, UBND huyện công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý II/2022 để các cơ quan, đơn vị theo dõi, chỉ đạo và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện;
- Sở Tài chính (b/c);
- CT, PCT UBND huyện;
- Các ban HĐND huyện;
- VPHU, VP HĐND-UBND huyện;
- Các ngành, MT-ĐT thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, Ly (30b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Xuân Cảnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY XUYÊN**

Biểu số 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II/2022

(Kèm theo Báo cáo số 222 /BC-UBND ngày 19 /7/2022 của UBND huyện Duy Xuyên)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND huyện giao	Thực hiện	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán HĐND huyện giao	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH HUYỆN	996.325	700.834	70,3	88,0
I	Thu cân đối NSNN	728.670	194.018	26,6	122,9
1	Thu nội địa	728.670	194.018	26,6	122,9
2	Thu viện trợ	0	0		
II	Thu kinh phí chuyển nguồn năm trước chuyển sang		345.530		80,9
III	Thu bổ sung ngân sách cấp trên	267.655	160.893	60,1	76,2
IV	Các khoản huy động, đóng góp		393		68,2
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	822.221	391.273	47,6	86,2
I	Tổng chi ngân sách huyện, xã	822.221	386.281	47,0	86,6
1	Chi đầu tư phát triển	212.916	90.457	42,5	65,0
2	Chi thường xuyên	598.817	295.824	49,4	96,3
3	Dự phòng ngân sách	10.488	0		
4	Chi thực hiện CCTL và chi từ nguồn khác	0	0		
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	0	4.992		66,7

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY XUYÊN**

Biểu số 94/CK-NSNN

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II/2022

(Kèm theo Báo cáo số 222 /BC-UBND ngày 19 /7/2022 của UBND huyện Duy Xuyên)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND huyện giao	Thực hiện	So sánh (%)	
				Dự toán HĐND huyện giao	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	996.325	769.756	77,3	81,3
I	Thu nội địa	728.670	261.542	35,9	85,1
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	3.360	1.939	57,7	125,9
2	Thu từ khu vực DN có VĐT nước ngoài	196.200	114.547	58,4	128,7
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	104.950	44.903	42,8	77,4
4	Thuế thu nhập cá nhân	165.920	50.343	30,3	43,0
5	Lệ phí trước bạ	26.000	11.267	43,3	114,2
6	Thuế bảo vệ môi trường	4.000	1.420	35,5	74,7
7	Thu phí, lệ phí	6.700	3.305	49,3	116,3
8	Các khoản thu về nhà, đất	211.690	27.542	13,0	136,5
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	<i>1.000</i>	<i>438</i>	<i>43,8</i>	<i>159,9</i>
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>190.000</i>	<i>25.158</i>	<i>13,2</i>	<i>136,0</i>
-	<i>Thu cấp quyền khai thác khoáng sản</i>	<i>400</i>	<i>713</i>	<i>178,3</i>	<i>262,1</i>
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	<i>20.290</i>	<i>1.233</i>	<i>6,1</i>	<i>108,5</i>
9	Thu khác ngân sách	7.750	5.223	67,4	82,1
10	Thu từ quỹ đất công ích, HLCS khác	2.100	1.053	50,1	199,1
II	Thu chuyển nguồn, kết dư		345.530		80,9
III	Thu bổ sung ngân sách cấp trên	267.655	160.893	60,1	76,2
IV	Các khoản huy động, đóng góp	0	393		68,2
V	Thu từ NS cấp dưới nộp lên	0	1.398		
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	728.670	194.018	26,6	122,9
1	Từ các khoản thu phân chia	462.530	146.299	31,6	123,7
2	Các khoản thu NS huyện được hưởng 100%	266.140	47.719	17,9	120,7

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY XUYÊN**

Biểu số 95/CK-NSNN

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II/2022

(Kèm theo Báo cáo số 222 /BC-UBND ngày 19 /7/2022 của UBND huyện Duy Xuyên)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND huyện giao	Thực hiện	So sánh (%)	
				Dự toán HĐND huyện giao	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	822.628	391.273	47,6	86,2
	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	822.221	386.281	47,0	86,6
I	Chi đầu tư phát triển	212.916	90.457	42,5	65,0
1	Chi đầu tư cho các dự án	212.916	90.457	42,5	65,0
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	598.817	295.824	49,4	96,3
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	236.426	102.508	43,4	96,0
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi y tế, dân số và gia đình	11.122	5.382	48,4	0,9
4	Chi văn hóa thông tin	19.096	5.744	30,1	104,9
5	Chi phát thanh, truyền hình	2.087	1.825	87,4	300,7
6	Chi thể dục, thể thao	1.590	1.266	79,6	203,2
7	Chi bảo vệ môi trường	3.850	1.355	35,2	64,7
8	Chi hoạt động kinh tế	94.248	53.121	56,4	67,3
9	Chi hỗ trợ của cơ quan QLHC, đảng, đoàn thể	114.112	52.955	46,4	100,7
10	Chi đảm bảo xã hội	103.754	62.258	60,0	124,4
11	Chi quốc phòng - an ninh	10.268	6.241	60,8	134,9
12	Chi khác ngân sách	2.264	1.771	78,2	421,7
13	Chi nộp ngân sách cấp trên		1.398		
III	Dự phòng ngân sách	10.488	0	0,0	
IV	Chi thực hiện CCTL và chi từ nguồn khác		0		
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	407	4.992		66,7
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	407	119	29,2	
2	Cho các chương trình dự án quan trọng VĐT		0		
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên		4.873		97,7

